

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 109/10  
**ĐẾN** Ngày: 01/04/15  
Chuyển: *[Signature]*  
Lưu hồ sơ sổ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

#### **Hội Đồng Quản Trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Phát Quang	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trịnh Bá Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Cao Thanh Định	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Bá Hoàng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban
Ông Khuất Tùng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Triều	Thành viên

### **CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM**

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014.

## **2. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THUY SÀN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

### PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



**NGUYỄN THỊ KIM XUÂN**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Số: 123/2014/DFK-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản

**Kính gửi:** **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015, từ trang 04 đến trang 30 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến của Kiểm toán viên:** Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



**Nguyễn Lương Nhân**  
**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0182-2013-042-1

Thay mặt và đại diện cho:

**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**  
Tp. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2015



**Lê Đình Huyền**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1756-2013-042-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>250,814,867,910</b>	<b>247,165,953,579</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	01	<b>336,190,847</b>	<b>1,419,326,762</b>
1. Tiền	111		336,190,847	1,419,326,762
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>	02	<b>399,577,500</b>	<b>312,320,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		531,000,000	531,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(131,422,500)	(218,680,000)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	03	<b>57,611,988,347</b>	<b>67,963,953,097</b>
1. Phải thu khách hàng	131		36,950,267,317	46,432,133,519
2. Trả trước cho người bán	132		7,777,458,250	8,273,131,559
3. Các khoản phải thu khác	138		14,577,853,920	13,258,688,019
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1,693,591,140)	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	04	<b>190,551,674,151</b>	<b>175,836,051,278</b>
1. Hàng tồn kho	141		191,941,189,903	176,676,260,250
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,389,515,752)	(840,208,972)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>1,915,437,065</b>	<b>1,634,302,442</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21,333,333	33,306,373
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,190,090,247	994,834,324
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	05	153,480,822	161,436,858
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	06	550,532,663	444,724,887
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>131,119,458,900</b>	<b>141,929,441,554</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>52,564,614,191</b>	<b>62,023,206,981</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	07	31,838,562,270	39,978,908,008
- Nguyên giá	222		118,710,727,175	120,074,381,725
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86,872,164,905)	(80,095,473,717)
2. TSCĐ vô hình	227	08	2,286,341,914	2,571,987,910
- Nguyên giá	228		5,788,007,600	5,788,007,600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,501,665,686)	(3,216,019,690)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	09	18,439,710,007	19,472,311,063
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	10	<b>66,714,262,337</b>	<b>66,714,262,337</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		65,026,276,051	65,026,276,051
3. Đầu tư dài hạn khác	258		4,634,906,773	4,634,906,773
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(2,946,920,487)	(2,946,920,487)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>11,840,582,372</b>	<b>13,191,972,236</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	11,840,582,372	13,191,972,236
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>381,934,326,810</b>	<b>389,095,395,133</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B 01-DN**

**Đơn vị: VND**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>201,945,244,796</b>	<b>213,670,488,240</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>173,004,152,454</b>	<b>165,796,214,084</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	121,747,446,497	134,749,894,527
2. Phải trả cho người bán	312	13	29,326,166,515	9,582,872,244
3. Người mua trả tiền trước	313	13	1,628,544	178,538,544
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	14	52,725,031	43,053,605
5. Phải trả công nhân viên	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	15	1,416,750,000	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	13,973,961,080	14,454,828,431
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6,485,474,787	6,787,026,733
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>28,941,092,342</b>	<b>47,874,274,156</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	17	16,575,092,342	38,356,274,156
2. Vay và nợ dài hạn	334	18	12,366,000,000	9,518,000,000
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>179,989,082,014</b>	<b>175,424,906,893</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	19	<b>179,989,082,014</b>	<b>175,424,906,893</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128,070,000,000	128,070,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,156,097,000	24,156,097,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		10,848,897,168	9,335,792,066
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,705,281,300	5,381,877,899
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		11,208,806,546	8,481,139,928
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>381,934,326,810</b>	<b>389,095,395,133</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

		31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gửi		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại	USD	18,495.80	17,854.08
	EUR	501.92	250.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Lai*

**LẠI TUYẾT THANH**  
Người lập  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

*Lai*

**LẠI TUYẾT THANH**  
Kế toán trưởng



**TRỊNH BÁ HOÀNG**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		218,892,281,687	168,091,883,381
2. Các khoản giảm trừ	02		-	1,672,713,342
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	218,892,281,687	166,419,170,039
4. Giá vốn hàng bán	11	21	179,680,782,226	126,346,725,662
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39,211,499,461	40,072,444,377
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2,347,893,817	1,324,806,328
7. Chi phí tài chính	22	23	11,456,212,192	16,209,603,428
- Trong đó: chi phí lãi vay		23	7,937,233,447	11,625,167,418
8. Chi phí bán hàng	24	24	9,598,709,222	10,638,536,867
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	15,318,260,169	12,834,128,909
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,186,211,695	1,714,981,501
11. Thu nhập khác	31		528,975,100	1,192,500
12. Chi phí khác	32		315,656,968	3,607,049
13. Lợi nhuận khác	40	26	213,318,132	(2,414,549)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,399,529,827	1,712,566,952
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	27	594,223,281	214,070,869
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,805,306,546	1,498,496,083
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	28	375	117


**LẠI TUYẾT THANH**

Người lập

Ngày 30 tháng 3 năm 2015


**LẠI TUYẾT THANH**

Kế toán trưởng



**TRỊNH BÁ HOÀNG**

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>5,399,529,827</b>	<b>1,712,566,952</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	2	8,113,487,573	7,211,520,984
Các khoản dự phòng	3	2,155,640,420	2,826,600,487
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	5	(400,618,839)	(120,635,038)
Chi phí lãi vay	6	7,937,233,447	11,625,167,418
<b>2. Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	<b>23,205,272,428</b>	<b>23,255,220,803</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	8,365,265,947	(10,384,014,241)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(15,264,929,653)	23,482,342,061
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(2,728,386,241)	(1,911,156,636)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1,363,362,904	2,036,844,519
Tiền lãi vay đã trả	13	(6,520,483,447)	(13,045,774,084)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(551,830,508)	(1,130,871,759)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1,596,462,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(542,683,371)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7,325,588,059</b>	<b>23,899,052,663</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	1,559,874,056	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	185,850,000	120,635,038
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1,745,724,056</b>	<b>120,635,038</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	366,949,747,135	384,912,867,145
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(377,104,195,165)	(408,086,532,746)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(10,154,448,030)</b>	<b>(23,173,665,601)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1,083,135,915)</b>	<b>846,022,100</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1,419,326,762	573,304,662
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>336,190,847</b>	<b>1,419,326,762</b>



**LẠI TUYẾT THANH**  
Người lập  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015



**LẠI TUYẾT THANH**  
Kế toán trưởng



**TRỊNH BÁ HOÀNG**  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 ngày 13/01/2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ đăng ký	868.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2014	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông - lâm - thủy - hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

#### 4. Tổng số công nhân viên: Tổng số lao động đến ngày 31/12/2014: 283 người.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SẴN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 3. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư bổ sung số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009;  
Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

### III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá hối đoái áp dụng tại ngày 31/12/2014: 21.361 VND/USD

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng cho hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

#### 7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

##### *Nhãn hiệu hàng hoá*

Nhãn hiệu hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

##### *Phần mềm kế toán*

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

#### 8. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

#### 9. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ đến tháng 9/2049;
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh theo Thông tư 201/2009/BTC được phân bổ vào chi phí tài chính với thời gian là 5 năm;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích dao động từ 03 – 05 năm.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán điều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị hợp lý của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

##### **Đầu tư vào các công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn.

##### **Đầu tư chứng khoán**

Bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có khả năng xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

##### **Dự phòng giảm giá chứng khoán**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

#### 11. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 12. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 18% và 8 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

#### 13. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu phát hành ra thị trường.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang bên mua.

##### *Chi phí*

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

#### 16. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

#### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế thu nhập chịu thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo.

Công ty là tổ chức có chứng khoán niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, nên được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Năm tài chính 2014 là năm thứ 10 Công ty có thu nhập chịu thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

#### 18. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

#### IV. TRÌNH BÀY CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

##### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	48,311,955	51,146,269
Tiền gửi ngân hàng	287,878,892	1,368,180,493
<b>Cộng</b>	<b>336,190,847</b>	<b>1,419,326,762</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Đầu tư chứng khoán	531,000,000	531,000,000
Cộng	531,000,000	531,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(131,422,500)	(218,680,000)
<b>Cộng giá trị thuần các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>399,577,500</b>	<b>312,320,000</b>

Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết tăng/giảm khoản đầu tư theo giá thị trường tại ngày 31/12/2014 như sau:

Mã chứng khoán	Số lượng cổ phiếu	Giá trị sổ sách	Giá trị thị trường	Tăng (giảm) so với giá thị trường
PVD	6,195	531,000,000	399,577,500	(131,422,500)

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

		31/12/2014	01/01/2014
		VNĐ	VNĐ
Phải thu khách hàng	(3.1)	36,950,267,317	46,432,133,519
Trả trước cho người bán		7,777,458,250	8,273,131,559
Các khoản phải thu khác	(3.2)	14,577,853,920	13,258,688,019
<b>Cộng</b>		<b>59,305,579,487</b>	<b>67,963,953,097</b>
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(3.3)	(1,693,591,140)	-
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>57,611,988,347</b>	<b>67,963,953,097</b>

**(3.1) Bao gồm:**

		31/12/2014	
		Nguyên tệ	Quy ra VNĐ
Phải thu khách hàng bằng ngoại tệ	- USD	1,687,633.46	36,032,716,679
Phải thu khách hàng bằng nội tệ	- VNĐ	-	917,550,638
<b>Cộng</b>		<b>1,687,633.46</b>	<b>36,950,267,317</b>

**(3.2) Chi tiết các khoản phải thu khác:**

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Phải thu tiền cho vay, cho mượn	10,819,946,099	10,814,015,766
Phải thu khác từ Ông Đặng Văn Đoàn	1,112,400,000	1,112,400,000
Thuế GTGT đầu vào đang chờ hoàn lại	2,035,832,932	899,049,503
Phải thu khác	609,674,889	433,222,750
<b>Cộng</b>	<b>14,577,853,920</b>	<b>13,258,688,019</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**(3.3) Dự phòng giảm giá các khoản phải thu khó đòi**

Chi tiết khách hàng	Số dư nợ gốc	Tỷ lệ trích	Số dự phòng
	31/12/2014	(%)	31/12/2014
	VNĐ		VNĐ
Công ty TNHH KT-THS-TM Biển Sáng	418,109,438	100%	418,109,438
Ông Nguyễn Văn Hiến	27,065,700	100%	27,065,700
IGLO GMBH	16,275,659	100%	16,275,659
WORLD FOODS CO., LTD	177,046,800	100%	177,046,800
HYL INTERNATIONAL LTD	1,055,093,543	100%	1,055,093,543
<b>Cộng</b>	<b>1,693,591,140</b>		<b>1,693,591,140</b>

**4. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	164,539,524,768	159,084,669,914
Công cụ dụng cụ	2,845,016,239	2,895,114,183
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41,045,627	-
Thành phẩm	19,212,298,252	9,288,214,274
Hàng gửi bán	5,303,305,017	5,408,261,879
<b>Cộng</b>	<b>191,941,189,903</b>	<b>176,676,260,250</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,389,515,752)	(840,208,972)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>190,551,674,151</b>	<b>175,836,051,278</b>

Hàng tồn kho trong kho lạnh dùng để chấp cho các khoản vay thuyết minh tại mục 12 đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng bảo hiểm với Tổng Công ty Bảo hiểm bưu điện Tp. HCM (PTI-HCM) số 000017/HD/001-P7/PHH.TS.2.1/2014. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 18/4/2014 đến ngày 18/4/2015).

**5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Thuế nhập khẩu tạm nộp	152,797,644	131,179,979
Thuế TNCN nộp thừa	683,178	30,256,879
<b>Cộng</b>	<b>153,480,822</b>	<b>161,436,858</b>

**6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Tạm ứng nhân viên	550,532,663	349,067,627
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	25,000,000
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	70,657,260
<b>Cộng</b>	<b>550,532,663</b>	<b>444,724,887</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	43,718,683,540	67,327,961,844	7,246,470,562	1,781,265,779	120,074,381,725
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	(1,363,654,550)	-	(1,363,654,550)
Tại ngày 31/12/2014	43,718,683,540	67,327,961,844	5,882,816,012	1,781,265,779	118,710,727,175
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	20,547,453,100	52,914,946,908	4,949,515,331	1,683,558,378	80,095,473,717
Khấu hao trong kỳ	1,833,003,444	5,198,992,579	745,234,708	50,610,846	7,827,841,577
Thanh lý trong năm	-	-	(1,051,150,389)	-	(1,051,150,389)
Tại ngày 31/12/2014	22,380,456,544	58,113,939,487	4,643,599,650	1,734,169,224	86,872,164,905
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2014	23,171,230,440	14,413,014,936	2,296,955,231	97,707,401	39,978,908,008
Tại ngày 31/12/2014	21,338,226,996	9,214,022,357	1,239,216,362	47,096,555	31,838,562,270

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 34.507.831.573 đồng.

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 12 và 18 đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng bảo hiểm với Công ty Bảo hiểm bưu điện Bình Dương (PTI-Bình Dương) số 00003/HD/012-01/PHH.TS.2.1/2014. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 13/01/2014 đến ngày 13/01/2015).

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Nhãn hiệu hàng hóa VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	5,712,920,000	75,087,600	5,788,007,600
Mua trong năm	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	5,712,920,000	75,087,600	5,788,007,600
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	3,140,932,090	75,087,600	3,216,019,690
Khấu hao trong năm	285,645,996	-	285,645,996
Phân loại lại	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	3,426,578,086	75,087,600	3,501,665,686
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2014	2,571,987,910	-	2,571,987,910
Tại ngày 31/12/2014	2,286,341,914	-	2,286,341,914

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01	19,472,311,063	19,648,166,397
Tăng trong kỳ	958,998,944	1,420,606,666
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	-
Các khoản tăng (giảm) khác	(1,991,600,000)	(1,596,462,000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>18,439,710,007</b>	<b>19,472,311,063</b>

**Chi tiết các khoản chi phí trả trước dài hạn**

	VNĐ	VNĐ
Chi phí đầu tư vùng nuôi	18,301,710,007	19,334,311,063
- Trong đó, chi phí lãi vay được vốn hóa	1,313,798,211	1,314,025,354
Chi phí mua sắm tài sản cố định	138,000,000	138,000,000
<b>Cộng</b>	<b>18,439,710,007</b>	<b>19,472,311,063</b>

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

		31/12/2014 VNĐ	01/01/2014 VNĐ
Đầu tư vào Công ty liên kết	(10.1)	65,026,276,051	65,026,276,051
Đầu tư dài hạn khác	(10.2)	4,634,906,773	4,634,906,773
Cộng		69,661,182,824	69,661,182,824
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.3)	(2,946,920,487)	(2,946,920,487)
<b>Cộng giá trị thuần các khoản đầu tư ngắn hạn</b>		<b>66,714,262,337</b>	<b>66,714,262,337</b>

**10.1 Đầu tư vào Công ty liên kết**

Tên Công ty liên kết		Giá trị đầu tư	
		31/12/2014 VNĐ	01/01/2014 VNĐ
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh Dịch vụ Sa Ga	(a)	39,600,000,000	39,600,000,000
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	(b)	14,992,000,000	14,992,000,000
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Châu Âu	(c)	10,434,276,051	10,434,276,051
<b>Cộng</b>		<b>65,026,276,051</b>	<b>65,026,276,051</b>

(a) Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga với mục đích xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. HCM, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 410202611 ngày 22/12/2008, tỷ lệ vốn góp: 21,07% tương đương 43.560.000.000 đồng. Số vốn thực góp đến ngày 31/12/2014 là 39.600.000.000 đồng tương đương 19% vốn điều lệ (Tổng vốn điều lệ: 206.759.195.000 đồng).

(b) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2014 là 900.000.00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng.

(c) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Châu Âu (Incomfish EU) tại Vương Quốc Bỉ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2014 là 454,368.95 EUR tương đương 10.434.276.051 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Chợ năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**10.2 Đầu tư dài hạn khác**

Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại Ve Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305727544 ngày 23/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 4 ngày 08/9/2011. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 4.634.907.000 đồng tương đương 5,38% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Ve Ga.

**10.3 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn**

Công ty áp dụng Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính trong việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào các Công ty liên kết như sau:

<u>Chi tiêu</u>	<u>Incomfish US</u> <u>USD</u>	<u>Incomfish EU</u> <u>EUR</u>
Tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu	180,000.00	200,000.00
Vốn chủ sở hữu thực có	94,675.00	(81,564.86)
Tỷ lệ sở hữu của Công ty (%)	49%	49%
Giá gốc khoản đầu tư của Công ty	88,200.00	98,000.00
<b>Giá trị còn lại của khoản đầu tư</b>	<b>46,390.75</b>	<b>-</b>
Tăng (giảm) khoản đầu tư	41,809.25	98,000.00

  

<u>Chi tiết các khoản dự phòng</u>	<u>Tỷ giá</u>	<u>Gốc ngoại tệ</u> <u>USD/EUR</u>	<u>Số tiền quy ra</u> <u>VND</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Incomfish US	16,657	41,809.25	696,416,677
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Incomfish EU	22,964	98,000.00	2,250,472,000
<b>Cộng</b>		<b>139,809.25</b>	<b>2,946,888,677</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	13,191,972,236	14,895,285,633
Tăng trong năm	-	202,931,855
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1,351,389,864)	(1,906,245,252)
Các khoản giảm trừ khác	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>11,840,582,372</b>	<b>13,191,972,236</b>

**Chi tiết các khoản chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2014</u> <u>VND</u>
Tiền thuê đất	9,246,397,323	9,491,004,653
Chênh lệch tỷ giá chờ phân bổ	1,618,394,360	2,099,538,628
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	224,080,252	376,841,750
Chi phí trả trước dài hạn khác	751,710,437	1,224,587,205
<b>Cộng</b>	<b>11,840,582,372</b>	<b>13,191,972,236</b>

Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 424/HĐ-TLĐ-2000 ngày 27/9/2000 và Phụ lục số 1 ngày 25/5/2006 về việc thuê lại đất tại Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - KCN Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - TP.HCM. Diện tích thuê: 20.802 m<sup>2</sup>. Thời hạn thuê đến tháng 9/2049.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn (VND)	14,333,973,241	11,803,968,641
Vay ngắn hạn (USD)	105,661,473,256	121,193,925,886
Nợ dài hạn đến hạn trả	1,752,000,000	1,752,000,000
<b>Cộng</b>	<b>121,747,446,497</b>	<b>134,749,894,527</b>

Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn	31/12/2014	
	USD	Quy ra VNĐ
Ngân hàng TMCP Nam Á	343,800.00	7,343,568,000
- Tiền Việt Nam (VND)		-
- Tiền ngoại tệ	343,800.00	7,343,568,000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (12.2)	3,993,363.06	99,632,208,203
- Tiền Việt Nam (VND)		14,333,973,241
- Tiền ngoại tệ	3,993,363.06	85,298,234,962
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam (12.3)	609,303.55	13,014,723,828
- Tiền Việt Nam (VND)		
- Tiền ngoại tệ	609,303.55	13,014,723,828
Nợ dài hạn đến hạn trả (18.3)	-	1,752,000,000
<b>Cộng</b>	<b>4,946,466.61</b>	<b>121,742,500,031</b>

(12.1) Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Quang Trung theo hợp các hợp đồng chiết khấu hối phiếu số 06/2014 ngày 11/11/2014 và số 09/2014 ngày 12/12/2014. Số dư nợ tại ngày 31/12/2014 là 343,800.00 USD với lãi suất chiết khấu là 3,8%/năm.

(12.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng tín dụng số 0116/KH/12NH ngày 26/4/2012; phụ lục hợp đồng số 02/CV-0116/KH/12NH ngày 31/12/2013 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/HĐSĐBS/HĐCV ngày 21/01/2015 với tổng hạn mức là 100 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này là quyền sở hữu nhà xưởng tại Lô A74/I, A75/I, A76/I, A77/I, đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh và máy móc thiết bị của Công ty với giá trị theo định giá là 28.561.000.000 đồng chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0216/NHNT ngày 14/11/2012 và số 0463/NHNT ngày 31/12/2013.

(12.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2014-00982 ngày 31/10/2014 và Hợp đồng tín dụng kiểm soát nhận nợ số 1401-LDS-201302373 ngày 29/6/2013 với giá trị giải ngân 1 lần là 378.600 USD; thời hạn vay 12 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Phải trả cho người bán (13.1)	29,326,166,515	9,582,872,244
Người mua trả tiền trước	1,628,544	178,538,544
<b>Cộng</b>	<b>29,327,795,059</b>	<b>9,761,410,788</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**(13.1) Chi tiết khoản phải trả người bán**

		31/12/2014	
		Nguyên tệ	Quy ra VND
Phải trả cho người bán bằng ngoại tệ	- USD	745,782.12	15,930,651,865
Phải trả cho người bán bằng nội tệ	- VND	-	13,395,514,650
<b>Cộng</b>		<b>745,782.12</b>	<b>29,326,166,515</b>
<b>14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NHÀ NƯỚC</b>			
		31/12/2014	01/01/2014
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp		22,244,031	10,332,258
Thuế thu nhập cá nhân		-	32,721,347
Các loại thuế khác		-	-
<b>Cộng</b>		<b>22,244,031</b>	<b>43,053,605</b>
<b>15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ</b>			
		31/12/2014	01/01/2014
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay phải trả		<b>1,693,850,000</b>	-
<b>16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC</b>			
		31/12/2014	01/01/2014
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		282,775,705	232,504,913
Kinh phí công đoàn		1,584,243,117	1,584,243,117
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng		100,000,000	100,000,000
Phải trả tiền mượn góp vốn của cá nhân		9,800,000,000	9,852,295,619
Tiền tham niên giữ lại		1,630,335,571	1,600,147,308
Các khoản phải trả khác		576,606,687	1,085,637,474
<b>Cộng</b>		<b>13,973,961,080</b>	<b>14,454,828,431</b>
<b>17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC</b>			
		31/12/2014	01/01/2014
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân		15,575,092,342	15,463,139,561
Bà Nguyễn Kim Thủy		-	21,736,811,645
Bà Nguyễn Kim Thu		1,000,000,000	1,156,322,950
<b>Cộng</b>		<b>16,575,092,342</b>	<b>38,356,274,156</b>

Các khoản mượn vốn của cá nhân là các bên liên quan của Công ty có thời hạn trên 01 năm và không tính lãi suất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

		31/12/2014	01/01/2014
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn ngân hàng	<b>(18.1)</b>	4,518,000,000	6,270,000,000
Vay dài hạn cá nhân	<b>(18.2)</b>	9,600,000,000	5,000,000,000
Cộng		14,118,000,000	11,270,000,000
- Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	<b>(18.3)</b>	(1,752,000,000)	(1,752,000,000)
<b>Cộng</b>		<b><u>12,366,000,000</u></b>	<b><u>9,518,000,000</u></b>

**(18.1) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (Eximbank)** theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2012-01088 ngày 29/6/2012; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân; mục đích vay: thanh toán tiền thuê ao nuôi theo Hợp đồng thuê đất số 010/0512/HĐKT/KD/ACF-ICF ngày 15/5/2012. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay này là đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, khu phố 2, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012.

**(18.2) Vay dài hạn cá nhân bao gồm:**

		31/12/2014	01/01/2014
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay từ bà Nguyễn Thị Kim Thu		5,000,000,000	1,000,000,000
Vay từ bà Nguyễn Thị Kim Xuân		4,600,000,000	4,000,000,000
<b>Cộng</b>		<b><u>9,600,000,000</u></b>	<b><u>5,000,000,000</u></b>

Khoản vay cá nhân này có lãi suất vay dao động từ 9% - 14%; thời hạn vay: từ 24 đến 36 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

**(18.3) Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả**

		31/12/2014	01/01/2014
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam		1,752,000,000	1,752,000,000
Nợ cá nhân đến hạn trả		-	-
<b>Cộng</b>		<b><u>1,752,000,000</u></b>	<b><u>1,752,000,000</u></b>

**(18.4) Chi tiết về thời hạn thanh toán**

		31/12/2014	01/01/2014
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kỳ hạn thanh toán			
Trong vòng một năm		1,752,000,000	1,752,000,000
Trong năm thứ hai		5,752,000,000	1,752,000,000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm		6,614,000,000	7,766,000,000
Sau năm năm		-	-
<b>Cộng</b>		<b><u>14,118,000,000</u></b>	<b><u>11,270,000,000</u></b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)		(1,752,000,000)	(1,752,000,000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>		<b><u>12,366,000,000</u></b>	<b><u>9,518,000,000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SẴN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	128,070,000,000	24,156,097,000	5,381,877,899	9,335,792,066	6,982,643,845	173,926,410,810
Góp vốn						-
Lãi trong năm					1,498,496,083	1,498,496,083
Trích quỹ						-
Chi cổ tức						-
Giảm khác						-
Tại ngày 31/12/2013	128,070,000,000	24,156,097,000	5,381,877,899	9,335,792,066	8,481,139,928	175,424,906,893
Góp vốn						-
Lãi trong năm					4,805,306,546	4,805,306,546
Trích quỹ			323,403,401	1,513,105,102	(1,836,508,503)	-
Chi cổ tức						-
Giảm khác					(241,131,425)	(241,131,425)
Tại ngày 31/12/2014	128,070,000,000	24,156,097,000	5,705,281,300	10,848,897,168	11,208,806,546	179,989,082,014

**19.2 Cổ phiếu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	86,800,000	86,800,000
Số lượng cổ phần đã phát hành	12,807,000	12,807,000
- Cổ phiếu phổ thông	12,807,000	12,807,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,807,000	12,807,000
- Cổ phiếu phổ thông	12,807,000	12,807,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**19.3 Phân phối lợi nhuận**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	1,513,105,102	-
Trích quỹ dự phòng tài chính	323,403,401	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	241,131,425	-
Trích cổ tức phải trả cổ đông	-	-
	<b>2,077,639,928</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	216,396,611,354	158,738,935,063
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,851,203,833	8,943,627,718
Doanh thu khác	644,466,500	409,320,600
	<b>218,892,281,687</b>	<b>168,091,883,381</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Giảm giá hàng bán	-	1,672,713,342
<b>Cộng doanh thu thuần</b>	<b>218,892,281,687</b>	<b>166,419,170,039</b>

**Chi tiết doanh thu**

	<u>USD</u>	<u>VND</u>	<u>Quy ra VND</u>
Doanh thu xuất khẩu	9,438,387.00	0	203,150,697,573
Doanh thu cung cấp dịch vụ		1,851,203,833	1,851,203,833
Doanh thu bán hàng nội địa		13,245,913,781	13,245,913,781
Doanh thu khác		644,466,500	644,466,500
<b>Cộng</b>	<b>9,438,387.00</b>	<b>15,741,584,114</b>	<b>218,892,281,687</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014	Năm 2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	178,051,570,516	123,725,924,227
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1,079,904,930	2,620,801,435
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	549,306,780	-
<b>Cộng</b>	<b>179,680,782,226</b>	<b>126,346,725,662</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	185,850,000	120,635,038
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2,162,043,817	1,204,171,290
<b>Cộng</b>	<b>2,347,893,817</b>	<b>1,324,806,328</b>

**23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	7,937,233,447	11,625,167,418
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	(87,257,500)	2,826,600,487
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3,606,236,245	1,757,835,523
<b>Cộng</b>	<b>11,456,212,192</b>	<b>16,209,603,428</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SẴN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Chi phí nhân viên bán hàng	1,674,579,229	1,639,863,083
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10,447,580	18,866,664
Chi phí xuất hàng	5,346,375,083	3,750,215,598
Hoa hồng bán hàng	163,319,600	2,267,545,521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	444,065,258	1,116,563,471
Chi phí bằng tiền khác	1,959,922,472	1,845,482,530
<b>Cộng</b>	<b>9,598,709,222</b>	<b>10,638,536,867</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	10,129,247,606	9,744,558,065
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	213,146,485	190,931,672
Chi phí khấu hao TSCĐ	492,057,010	536,741,646
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) phải thu khó đòi	1,693,591,140	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,576,290,328	1,633,218,566
Chi phí bằng tiền khác	1,213,927,600	728,678,960
<b>Cộng</b>	<b>15,318,260,169</b>	<b>12,834,128,909</b>

**26. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Thu thanh lý tài sản cố định	527,273,000	1,000,000
Các khoản thu nhập khác	1,702,100	192,500
<b>Cộng</b>	<b>528,975,100</b>	<b>1,192,500</b>
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	(312,504,161)	-
Thuế bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	(2,500,000)	-
Các khoản chi phí khác	(652,807)	(3,607,049)
<b>Cộng</b>	<b>(315,656,968)</b>	<b>(3,607,049)</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác</b>	<b>213,318,132</b>	<b>(2,414,549)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SẴN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	5,122,429,827	1,712,566,952
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2,500,000	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>5,124,929,827</b>	<b>1,712,566,952</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1,127,484,562</b>	<b>428,141,738</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(563,742,281)	(214,070,869)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>563,742,281</b>	<b>214,070,869</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4,558,687,546	1,498,496,083
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	4,558,687,546	1,498,496,083
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12,807,000	12,807,000
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần</b>	<b>356</b>	<b>117</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	383,676,112,264	330,144,631,630
Chi phí nhân công	30,865,071,024	27,356,111,001
Chi phí khấu hao TSCĐ	8,113,487,573	7,211,520,984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,775,685,252	9,986,602,539
Chi phí khác	3,342,179,854	10,682,580,995
<b>Cộng</b>	<b>441,772,535,967</b>	<b>385,381,447,149</b>

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh và bộ phận khu vực địa lý.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:** Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SẴN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**Bộ phận theo khu vực địa lý:** Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản, toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty đều phát sinh từ hoạt động này, bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, Công ty không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### 31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số III.18

#### Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	336,190,847	1,419,326,762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51,528,121,237	59,690,821,538
Đầu tư ngắn hạn	399,577,500	312,320,000
Đầu tư dài hạn	66,714,262,337	66,714,262,337
<b>Tổng cộng</b>	<b>118,978,151,921</b>	<b>128,136,730,637</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	134,113,446,497	144,267,894,527
Phải trả người bán và phải trả khác	43,300,127,595	24,037,700,675
Chi phí phải trả	1,693,850,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>179,107,424,092</b>	<b>168,305,595,202</b>

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính "Thông tư 210". Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SẴN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

**Quản lý rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá hối đoái trong tương lai, duy trì dư nợ ngoại tệ ở mức thấp...

Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc USD và EUR như sau:

	(USD)		(EUR)	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
<b>Tài sản</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18,495.80	17,854.08	501.92	250.00
Phải thu khách hàng và phải thu	1,687,633.46	2,174,046.50	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1,706,129.26</b>	<b>2,191,900.58</b>	<b>501.92</b>	<b>250.00</b>

	(USD)		(EUR)	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
<b>Công nợ phải trả</b>				
Các khoản vay	4,946,466.61	5,750,055.79	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	745,782.12	49,425.15	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5,692,248.73</b>	<b>5,799,480.94</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Quản lý rủi ro về giá**

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**- Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

**- Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 01 năm	Từ 01 năm - 05 năm	Tổng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại 31/12/2014</b>			
Các khoản vay	121,747,446,497	12,366,000,000	134,113,446,497
Phải trả người bán và phải trả khác	43,300,127,595	-	43,300,127,595
Chi phí phải trả	1,693,850,000	-	1,693,850,000
<b>Cộng</b>	<b>166,741,424,092</b>	<b>12,366,000,000</b>	<b>179,107,424,092</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Các khoản vay	134,749,894,527	9,518,000,000	144,267,894,527
Phải trả người bán và phải trả khác	24,037,700,675	-	24,037,700,675
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>158,787,595,202</b>	<b>9,518,000,000</b>	<b>168,305,595,202</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại 31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	336,190,847	-	336,190,847
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49,834,530,097	-	49,834,530,097
Đầu tư ngắn và dài hạn	399,577,500	66,714,262,337	67,113,839,837
<b>Cộng</b>	<b>50,570,298,444</b>	<b>66,714,262,337</b>	<b>117,284,560,781</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,419,326,762	-	1,419,326,762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59,690,821,538	-	59,690,821,538
Đầu tư ngắn và dài hạn	312,320,000	66,714,262,337	67,026,582,337
<b>Cộng</b>	<b>61,422,468,300</b>	<b>66,714,262,337</b>	<b>128,136,730,637</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SẴN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản đảm bảo**

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, và các khoản phải thu (thuyết minh tại Mục số 12 và 18 - Phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

**Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	Giá trị sổ sách	Tăng (giảm)	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>531,000,000</b>	<b>(131,422,500)</b>	<b>399,577,500</b>	<b>(131,422,500)</b>
- Chứng khoán vốn	531,000,000	(131,422,500)	399,577,500	(131,422,500)
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>69,661,182,824</b>	<b>(2,946,920,487)</b>	<b>66,714,262,337</b>	<b>(2,946,920,487)</b>
- Công ty liên kết	65,026,276,051	(2,946,920,487)	62,079,355,564	(2,946,920,487)
- Đầu tư dài hạn khác	4,634,906,773	-	4,634,906,773	-
<b>Cộng</b>	<b>70,192,182,824</b>	<b>(3,078,342,987)</b>	<b>67,113,839,837</b>	<b>(3,078,342,987)</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>531,000,000</b>	<b>(218,680,000)</b>	<b>312,320,000</b>	<b>(218,680,000)</b>
- Chứng khoán vốn	531,000,000	(218,680,000)	312,320,000	(218,680,000)
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>69,661,182,824</b>	<b>(2,946,920,487)</b>	<b>66,714,262,337</b>	<b>(2,946,920,487)</b>
- Công ty liên kết	65,026,276,051	(2,946,920,487)	62,079,355,564	(2,946,920,487)
- Đầu tư dài hạn khác	4,634,906,773	-	4,634,906,773	-
<b>Cộng</b>	<b>70,192,182,824</b>	<b>(3,165,600,487)</b>	<b>67,026,582,337</b>	<b>(3,165,600,487)</b>

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh hay Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng khi kết thúc năm tài chính tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh hay Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (31/12/2014).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc của khoản đầu tư và cộng trừ các khoản điều chỉnh khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/phải trả đối với các bên liên quan như sau:

		31/12/2014	01/01/2014
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Nợ phải thu</b>			
Incomfish US	USD	-	103,448.00
Incomfish US	VND	-	353,703,000
Công ty Cổ phần TM Thủy sản Á Châu	VND	10,819,946,099	10,814,015,766
		31/12/2014	01/01/2014
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Nợ phải trả</b>			
Công ty TNHH Sa Ga	VND	2,304,645,750	2,304,645,750
Công ty Cổ phần TM Thủy sản Á Châu	VND	707,833,761	707,833,761
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	VND	20,175,092,342	19,463,139,561
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	VND	6,000,000,000	2,156,322,950
Ông Nguyễn Phát Quang	VND	9,852,295,619	9,852,295,619

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

LAI TUYẾT THANH  
Người lập  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015LAI TUYẾT THANH  
Kế toán trưởng  
TRỊNH BÁ HOÀNG  
Tổng Giám đốc